TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2024

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hổ

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thanh H, sinh năm: 1985;

Nơi cư trú: Số 139E3, ấp A, xã M, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm: 1980;

Nơi cư trú: Số 318B, ấp H, xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn bà Lê Thanh H trình bày:

Bà và ông Võ Văn T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã M, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 30/9/2015, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thì thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, ông T không biết chăm lo cho gia đình, thường xuyên cự cãi, bà và ông T đã cố gắn hàn gắn nhưng không thành và đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: bà và ông T không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Võ Văn T để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát ý kiến giải quyết như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật, bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật trong việc tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh H về việc tranh chấp ly hôn với ông Võ Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả tranh luận, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Thanh H khởi kiện ông Võ Văn T yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Võ Văn T là bị đơn cư trú tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến

Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Võ Văn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thanh H và ông Võ Văn T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 30/9/2015, hôn nhân do tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà H cho rằng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, ông T không biết chăm lo cho gia đình, thường xuyên cự cãi, bà và ông T đã cố gắn hàn gắn nhưng không thành và đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập ông T để tham gia phiên hòa giải và phiên tòa nhưng ông T vắng mặt và không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thể hiện ông T không muốn hàn gắn, đồng thời bà H và ông T đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông T là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thanh H đối với ông Võ Văn T.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thanh H khai không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Lê Thanh H phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thanh H đối với bị đơn ông Võ Văn T về việc tranh chấp ly hôn, cụ thể tuyên:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thanh H được ly hôn với ông Võ Văn T.

1.2. Về con chung: Bà Lê Thanh H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Bà Lê Thanh H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Lê Thanh H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Lê Thanh H phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004469 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà Lê Thanh H đã thực hiện xong.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thanh H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Võ Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã M, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Lê Hoàng Út